

Số: 465 /2023/ CBTT-CBS

Cao Bằng, ngày 05 tháng 10 năm 2023

V/v: Công bố Báo cáo thường niên
năm 2022

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Mã chứng khoán: CBS

Địa chỉ trụ sở chính: Tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Tà Lùng - huyện Quảng
Hòa - tỉnh Cao Bằng

Điện thoại liên hệ: 0206 3 824121 Số Fax: 0206 3 824113

E-mail: caobangsugar@gmail.com

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nông Văn Thuyết

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Loại thông tin công bố: 24h 72h yêu cầu Bất thường Định kỳ

II. Nội dung thông tin công bố:

Công bố BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 (kỳ hoạt động từ tháng 07/2022 đến hết tháng 06/2023) của Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty vào ngày 05/10/2023 tại đường dẫn:

<http://www.miaduongcaobang.vn>

Chúng tôi cam kết, các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng./.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên số 464/2023/BCTN-CBS ngày 05/10/2023.

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- Đăng website;
- Lưu Vt.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2022**

Đơn vị: Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng

Địa chỉ : Thị Trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

Điện thoại : 0206 3824121

Fax : 0206 3824113

Website : www.miaduongcaobang.vn

Email : caobangsugar@gmail.com

Tháng 9 năm 2023

MỤC LỤC

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các rủi ro ảnh hưởng

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức nhân sự
3. Tình hình đầu tư dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động công ty

1. Về các mặt hoạt động
2. Về hoạt động của Ban tổng giám đốc
3. Kế hoạch định hướng

V. Quản trị công ty

VI. Báo cáo tài chính

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Năm tài chính: Từ 01/07/2022 đến 30/06/2023

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát .

- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 14/03/2006 đến nay đã được thay đổi lần thứ 07: mã số doanh nghiệp 4800104012 ngày 12/05/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.
- Vốn điều lệ : 52.918.680.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 52.918.680.000 đồng
- Địa chỉ : Tổ dân phố Đoàn kết, thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại : 026 3824121 ; Số Fax : 026 3824113
- Website : www.miaduongcaobang.vn
- Mã cổ phiếu: CBS

2. Quá trình hình thành và phát triển .

- Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty mía đường Cao Bằng được khởi công xây dựng theo Quyết định số 292/UB-QĐ ngày 16/04/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đến tháng 12/1997 nhà máy được hoàn thành và đi vào vụ sản xuất đầu tiên với công suất thiết kế là 700 tấn mía/ ngày.
- Ngày 08/07/1996 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quyết định số 584/UB-QĐ-DN về việc thành lập doanh nghiệp Nhà nước Công ty mía đường Cao Bằng.
- Giai đoạn từ năm 1998 đến năm 2005: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, vùng nguyên liệu phát triển chưa ổn định không cung cấp đủ nguyên liệu mía cho sản xuất, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ triền miên, Công ty có nguy cơ bị phá sản, đây cũng là tình hình chung của các công ty sản xuất mía đường

trong nước. Trước những khó khăn chung của ngành sản xuất mía đường, để tháo gỡ khó khăn Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 28/2004/QĐ-TTg ngày 04/03/2004 về việc tổ chức lại sản xuất và thực hiện một số giải pháp xử lý khó khăn đối với các nhà máy và công ty đường.

- Thực hiện Quyết định 28 của Chính phủ, các khó khăn lớn về tài chính của Công ty mía đường Cao Bằng đã được giải quyết, Công ty đã được chính phủ cho phép xóa nợ thuế, nợ lãi tiền vay ngân hàng, nợ phí bảo lãnh nhập khẩu thiết bị, được cấp bù chênh lệch tỷ giá, được gia hạn trả nợ vốn vay đầu tư xây dựng Nhà máy, được bổ sung mở rộng vùng nguyên liệu mía và được sắp xếp chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần.
- Ngày 19/12/2005 Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng đã ban hành Quyết định số 3560/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty mía đường Cao Bằng thành công ty cổ phần. Ngày 20/01/2006 Đại hội đồng cổ đông sáng lập công ty được tổ chức, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 1103000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao bằng cấp ngày 14/03/2006 với số vốn điều lệ ban đầu là 3.638.960.000 đồng.
- Giai đoạn từ năm 2006 đến năm 2009: Sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu sang công ty cổ phần, công ty vẫn gặp nhiều khó khăn, sản xuất kinh doanh chưa hiệu quả do năng lực về tài chính còn yếu; thị trường tiêu thụ chưa ổn định; giá bán đường thấp; công suất của dây truyền sản xuất đường chưa được nâng cấp cải tạo dẫn đến thời gian vụ sản xuất kéo dài (vụ ép 2007-2008 kéo dài đến tháng 6/2008) sản xuất không hiệu quả.
- Trước những khó khăn thách thức mới, Ban lãnh đạo Công ty đã lựa chọn giải pháp đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường nhằm rút ngắn thời gian sản xuất, tăng hiệu suất thu hồi, giảm chi phí sản xuất để giảm giá thành sản phẩm. Năm 2010 Hội đồng quản trị Công ty đã phê duyệt dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất đường từ 700 tấn mía/ ngày lên 1.800 tấn mía/ ngày, dự kiến hoàn thành trong năm 2014. Kết quả thực hiện, sau khi được đầu tư nâng cấp đến vụ sản xuất 2012-2013 công suất ép thực tế đạt 1.600 tấn mía/ ngày, các vụ sản xuất tiếp theo công suất ép thực tế đều đạt 1.700 tấn mía/ ngày, dây truyền sản xuất ổn định đáp ứng được yêu cầu đề ra, sản xuất kinh doanh của Công ty từng bước được ổn định, hiệu quả.
- Công ty đã trở thành công ty đại chúng theo Công văn số 1943/UBCK-QLPH ngày 01/6/2012 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường UPCOM kể từ ngày 20/06/2017.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- a. Ngành nghề kinh doanh:** Sản xuất đường kính từ cây mía;

Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

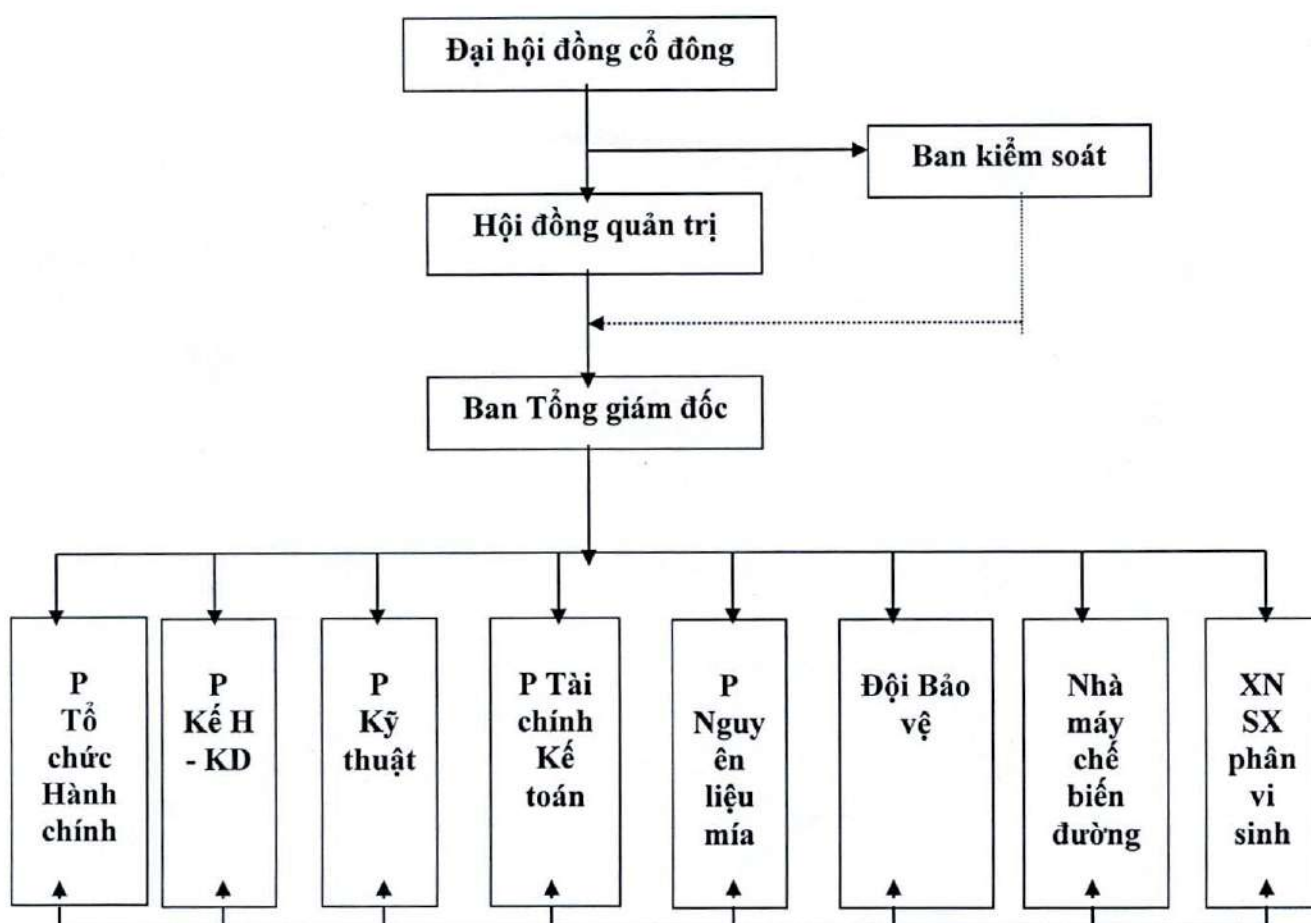
b. Địa bàn kinh doanh:

- Vùng nguyên liệu mía: Gồm Huyện Quảng Hòa (sáp nhập huyện Phục Hòa và Huyện Quảng Uyên), Huyện Thạch An, huyện Trùng Khánh của Tỉnh Cao Bằng.
- Địa bàn tiêu thụ: Địa bàn tiêu thụ chính trong hai năm gần nhất là các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang, Lạng Sơn, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Thái Nguyên, Cao Bằng và các tỉnh lân cận.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- Mô hình quản trị và Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty



- Công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Định hướng phát triển :

- *Mục tiêu chủ yếu :*

Phát triển Công ty thành một doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề. Nhưng cốt lõi là chế biến mía đường, sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh, Phát huy tối đa ưu thế, lĩnh vực sản

xuất – kinh doanh, dịch vụ nhằm tăng nhanh quy mô và hiệu quả kinh doanh đưa công ty thành một doanh nghiệp mạnh trên địa bàn Tỉnh Cao Bằng.

- **Kế hoạch phát triển :**

- Xây dựng vùng nguyên liệu: Ủy ban nhân Tỉnh Cao Bằng đã phê duyệt bổ sung quy hoạch vùng nguyên liệu mía giai đoạn 2012-2015 tại Quyết định số 1839/QĐ-UBND ngày 28/11/2012 nâng tổng diện tích mía theo quy hoạch lên 4.200 ha nằm trên 26 xã, thị trấn thuộc 03 huyện Phục Hòa, huyện Quảng Uyên, huyện Thạch An của tỉnh Cao Bằng với mục tiêu của Công ty nhằm phát triển vùng nguyên liệu mía ổn định, bền vững, cung cấp đủ sản lượng mía nguyên liệu từ 200.000 tấn trở lên theo lộ trình mở rộng công suất của Công ty.

Bố trí nguồn lực tài chính hợp lý để đầu tư phát triển mở rộng diện tích vùng nguyên liệu hướng tới đáp ứng đủ sản lượng cho chế biến phần dư ra để cho xuất khẩu. Vùng nguyên liệu phải đảm bảo năng suất bình quân đạt trên 68 Tấn/ha; chữ đường đạt trên 11,5 ccs.

Tiếp tục củng cố mối quan hệ với chính quyền các cấp tại địa phương. Xây dựng chuỗi liên kết Mía –Đường chặt chẽ, ban hành chính sách đầu tư, thu mua đảm bảo chia sẻ tối đa lợi ích với người trồng mía.

- Công tác chế biến:

+ Tiếp tục duy trì công suất chế biến đường từ 1.700 – 1.800 tấn mía/ ngày trong giai đoạn 2020-2025. Đầu tư thay thế cải tạo một số thiết bị trên dây chuyền theo hướng bán tự động và tự động hóa nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả chế biến, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

+ Tiết kiệm, giảm thiểu tổn thất năng lượng trong khâu chế biến, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường. tiết giảm chi phí sản xuất tận dụng tối đa các sản phẩm sau đường.

+ Đầu tư đào tạo nguồn lực hiện có, ưu tiên tuyển dụng và xây dựng chính sách đãi ngộ để thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn, có kỹ năng. Đặc biệt lĩnh vực công nghệ chế biến thực phẩm, lĩnh vực điện tự động hóa.

- Công tác Kinh doanh: Mở rộng thị trường và thị phần bán lẻ để cải thiện doanh thu, biên lợi nhuận.

6. Các rủi ro :

Niên vụ 2023-2024 dự báo sẽ là một năm có nhiều thách thức với ngành đường Việt Nam khi phải đối phó với hiện tượng El Nino dự kiến sẽ bắt đầu có tác động trong niên vụ tới. Giá vật tư nông nghiệp tăng sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất mía.

Bên cạnh đó, tình hình đường nhập lậu và gian lận thương mại đường nhập lậu, lẫn tránh biện pháp phòng vệ thương mại và thị trường đường bị thu hẹp do sự gia tăng nhập khẩu đường lỏng sirô ngô HFCS sẽ ảnh hưởng đến thị trường trong nước.

Những yếu tố bất lợi trên tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.

7. Cơ hội:

Trong những năm tới, mức tiêu thụ đường toàn cầu dự báo sẽ tiếp tục tăng nhờ sự tăng trưởng thu nhập ở các nước thu nhập thấp và trung bình ở Châu Á và Châu Phi. Nguồn cung đường sẽ tiếp tục bị hạn chế do việc tăng cường sử dụng nguyên liệu mía cho sản xuất cồn ethanol, đặc biệt tại hai quốc gia sản xuất đường hàng đầu là Brazil và Ấn Độ

Giá đường trong quốc tế dự kiến ở mức cao trong năm tới, giá đường trong nước tiếp tục giữ ở mức cao và thấp hơn so với giá đường của các quốc gia trồng mía trong khu vực (Indonesia, Philippine và Trung Quốc) khi các quyết định về thực hiện phòng vệ thương mại đường còn hiệu lực.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động kinh doanh từ tháng 7/2022 đến hết tháng 6/2023:**

STT	Chi tiêu	ĐVT	TH năm 2021 (từ T7/21 đến hết T6/22)	Năm 2022 (từ T7/2022 đến hết T6/2023)		So sánh (%) số TH năm 2022 với:	
				Số kế hoạch	Số thực hiện	KH năm 2022	TH năm 2021
1	Sản lượng mía nguyên liệu	tấn	161,694	146,000	131,884	90.33	81.56
2	Sản lượng đường sản xuất	tấn	17,035	15,368	13,708	89.20	80.47
3	Doanh thu thuần	tr.đồng	240,467	256,310	297,313	115.99	123.64
4	Lợi nhuận sau thuế	tr.đồng	49,938	37,177	54,978	147.88	110.09
5	Nộp ngân sách Nhà nước	tr.đồng	12,882	11,000	24,769	225.17	192.28
6	Vốn điều lệ	tr.đồng	35,279	35,279	52,918	150.00	150.00
7	Vốn chủ sở hữu	tr.đồng	102,174	102,174	119,813	117.26	117.26

- Thành tích đạt được :**

Vụ ép 2022-2023 các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đạt và vượt kế hoạch đề ra. Công ty tổ chức tốt sản xuất; thu mua hết mía nguyên liệu cho các nông hộ, thanh toán tiền mía cho các nông hộ qua tài khoản ngân hàng (tỷ lệ thanh toán qua tài khoản đạt trên 95%). Tổng sản lượng mía đã thu mua là 131,884 tấn.

Duy trì công suất ép bình quân đạt trên 1.600 tấn mía ngày, thời gian sản xuất vụ 2022-2023 đúng kế hoạch.

▪ **Tồn tại hạn chế của vụ sản xuất 2022-2023:**

Diện tích sản xuất mía của các nông hộ ít, manh mún nên việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất mía gặp nhiều khó khăn, việc đốn chặt khuôn vác mía ra tập kết và bốc xếp lên xe tiêu tốn nhiều công sức và nhân lực của người trồng mía.

Ảnh hưởng của thời tiết dẫn đến chất lượng mía nguyên liệu đạt thấp hơn kế hoạch (Trữ đường bình quân niên vụ SX 2022-2023 là 10,8 CCS đạt 97,9% kế hoạch và chỉ đạt 98,00% so với vụ SX 2021-2022).

- Tư thương tranh thu mua mía trong vùng nguyên liệu ảnh hưởng đến sản lượng về nhà máy, ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất của dây chuyền.

- Vùng nguyên liệu bị thu hẹp, diện tích trồng mới không đạt kế hoạch, một số bộ giống như KK3, BM423; ROC27 cho chữ đường thấp nhưng năng suất lại cao nên đang chiếm tỷ trọng ngày một lớn hơn. Tỷ lệ áp dụng cơ giới hóa trong khâu trồng, chăm sóc mía còn thấp.

- Nguồn lao động trẻ ở vùng nông thôn ngày càng ít, thiếu nhân lực cho sản xuất mía nguyên liệu.

- Hiệu hiệu quả sản xuất đạt thấp, tổng thu hồi dây chuyền, tỷ lệ mía/đường không đạt theo kế hoạch.

- Về kinh doanh tiêu thụ sản phẩm: giá thị trường được cao hơn năm trước nhưng giá bán bình quân đạt thấp hơn mặt bằng chung cả nước.

*** Nguyên nhân:**

- Thời tiết nắng hạn trong nửa đầu năm ảnh hưởng đến khả năng mọc mầm, tái sinh của mía trồng mới và mía gốc. Một số diện tích đã phải phá bỏ để trồng hoa màu khác.

- Do giá các vật tư nông nghiệp tăng cao giá xăng dầu tăng cao. Giá mía mặc dù đã điều chỉnh tăng nhưng vẫn không bù lại được chi phí cho người dân làm hiệu quả kinh tế cho người trồng mía ko cao nên nông dân đã chuyển một phần diện tích sang trồng cây khác hoặc ít trú trọng chăm sóc mía.

- Điều kiện kinh tế địa phương khó khăn, đất trồng manh mún, trồng hộ cá thể nên việc đầu tư và cơ giới hóa còn nhiều hạn chế. cán bộ nguyên liệu còn hạn chế về trình độ tuyên truyền, một số chưa sát sao.

- Thiết bị dây chuyền sử dụng lâu năm, hết khấu hao, hiệu quả hoạt động không cao. Sảy ra nhiều sự cố trong quá trình sản xuất như hệ thống máy ép, máy ly tâm .. Trình độ, kỹ năng của công nhân ở một số cương vị chưa cao.

- Do chất lượng sản phẩm chưa so kịp các nhà máy khác, điều kiện về vận chuyển xa nên chi phí vận chuyển cao hơn tạo nên sự chênh lệch giá bán so với mặt bằng chung.

2. Tổ chức nhân sự .

Năm 2022 có sự thay đổi thành viên trong Ban điều hành.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
1. Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm ngày 01/04/2021
2. Ông Nông Văn Lạc	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm ngày 01/04/2021; từ ngày 01/04/2021 là TV HĐQT
3. Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
5. Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 30/10/2020
6. Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020

Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1. Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
2. Ông Trương Minh Đức	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020
3. Ông Đinh Bế Đính	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 30/10/2020

Ban điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ bãi nhiệm
2. Ông Ma Trung Lập	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020
3. Ông Nông Thị Nậu	Phó tổng giám đốc	Tái bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020
4. Ông Nông Văn Sơn	Phó tổng giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 05/04/2022
5. Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2006

Tóm tắt lý lịch cá nhân của các thành viên HĐQT, BKS và ban điều hành:**2.1. Thành viên Hội đồng quản trị:****2.1.1. Ông Nông Văn Thuyết – Thành viên HĐQT; Chủ tịch HĐQT từ 01/04/2021**

Họ và tên	NÔNG VĂN THUYẾT
Số CMTND	080528076 cấp ngày 12/04/2012 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/ 07/ 1984
Nơi sinh	Xã Chí Viễn. H. Trùng Khánh. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn. H. Trùng Khánh. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Thị trấn tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ	026 3824150

quan	
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ giới hóa lâm nghiệp
Quá trình công tác	
09/2009 → 11/2019	Cán bộ Phòng Kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
12/2019 → 07/2020	Trưởng phòng kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
08/2020 → 03/2021	Phó Tổng giám đốc phụ trách kỹ thuật, Công ty CP Mía đường Cao Bằng
04/2021 → nay	Chủ tịch HĐQT, Công ty CP Mía đường Cao Bằng.
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Cán bộ kỹ thuật công ty CP mía đường Cao Bằng. Từ ngày 01/08/2020 được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	5,23% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0,18% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.2 Ông Nông Văn Lạc - Chủ tịch HĐQT đến 31/03/2021; là thành viên HĐQT từ ngày 01/04/2021.

Họ và tên	NÔNG VĂN LẠC
Số CMTND	080385530 cấp ngày 25/12/2012 tại công an Cao Bằng
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	22/02/1961
Nơi sinh	Xã Chí Viễn. Huyện Trùng Khánh . Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn. Huyện Trùng Khánh. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ	026 3 824160

quan	
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế. Cao cấp lý luận chính trị
Quá trình công tác	
04/1985 → 11/1985	Nhân viên kế toán Sở Thương nghiệp Cao Bằng
12/1985 → 09/1987	Nhân viên kế toán tổng hợp công ty thực phẩm nông sản Cao Bằng
10/1987 → 03/1993	Phó phòng kế toán công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
04/1994 → 08/1996	Phó giám đốc công ty thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
09/1996 → 09/2000	Trưởng phòng kế toán công ty mía đường Cao Bằng
10/2000 → 08/2004	Phó giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
09/2004 → 12/2005	Giám đốc công ty mía đường Cao Bằng
01/2006 → 06/2011	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 → 07/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GD công ty CP mía đường Cao Bằng
08/2020 → 03/2021	Chủ tịch HĐQT Công ty CP mía đường Cao Bằng
04/2021 → nay	Thành viên HĐQT Công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT.
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,76% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	47,27 % vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.3 Ông Ma Trung Lập – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Họ và tên	MA TRUNG LẬP
Số CMTND	080425042 cấp ngày 19/06/2012 ; nơi cấp: Công an Cao Bằng
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	02/06/1964
Nơi sinh	TT.Hòa Thuận.. H. Phục Hòa. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Tày
Quê quán	TT.Hòa Thuận, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tổ dân phố 8, TT.Hòa Thuận, H.Quảng Hòa, T.Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cơ điện
Quá trình công tác	
05/1995 → 02/1996	Cán bộ kỹ thuật nhà máy xi măng Cao Bằng
03/1996 → 07/1997	Phó quản đốc PX nhà máy xi măng Cao Bằng
08/1997 → 12/1997	Cán bộ kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 → 03/1998	Phó quản đốc PX cán thép công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 → 10/2000	Quyền QĐ PX sửa chữa cơ điện công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 → 07/2003	Phó phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 → 10/2004	Trưởng phòng kỹ thuật công ty mía đường Cao Bằng
11/2004 → 12/2005	Phó giám đốc công ty Mía đường Cao Bằng
01/2006 → 06/2011	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty CP Mía đường Cao Bằng
07/2011 → 07/2020	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
08/2020 → nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại tổ chức khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,53% Vốn Điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.1.4 Bà Mã Thị Quyết - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên	MÃ THỊ QUYẾT
Số CMTND	080358911 cấp ngày 20/07/2009 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1973
Nơi sinh	Xã Hoàng Tung. Huyện Hòa An. Tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hoàng Tung. Huyện Hòa An. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3 824130
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
Quá trình công tác	
12/1997 → 03/1998	NV kế toán công ty mía đường Cao Bằng
04/1998 → 10/2000	Phó phòng kế toán công ty mía đường Cao Bằng
11/2000 → 12/2002	Quyền TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
01/2003 → 09/2006	TP kế toán công ty mía đường Cao Bằng
10/2006 → nay	Kế toán trưởng công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên HĐQT – Kế toán trưởng công ty
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	1,46% Vốn Điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0,07% vốn điều lệ.
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
---	-------

2.1.5. Ông Nông Văn Sơn – Thành viên viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc từ 05/04/2022

Họ và tên	NÔNG VĂN SƠN
Số CMTND	004096000011; ngày cấp 19/12/2018; nơi cấp: Công an TP Hà Nội
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	24/10/1996.
Nơi sinh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Chí Viễn, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Tổ 9, P. Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	0206 3 824174
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
12/2018 → 12/2020	Trợ lý kiểm toán tại Công ty TNHH TV thuế, kế toán và kiểm toán AVINA - IAFC
01/2021 → 04/2022	Nhân viên Phòng Kế hoạch kinh doanh, Công ty cổ phần mía đường Cao Bằng.
04/2022 → nay	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	45,93 % vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	1,94 % vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
---	-------

2.2. Thành viên ban kiểm soát:

2.2.1 Bà Hoàng Thị Quyết - Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên	HOÀNG THỊ QUYẾT
Số CMTND	080389349 cấp ngày 10/04/2012 tại CA tỉnh Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	01/ 10/ 1974
Nơi sinh	Xã Nam Tuấn. H. Hòa An. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Nam Tuấn. H. Hòa An. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	TT Tà Lùng. huyện Quảng Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế toán
Quá trình công tác	
06/1996 → 12/1996	Nhân viên công ty Thương nghiệp tổng hợp Cao Bằng
01/1997 → 05/2006	Nhân viên công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
06/2006 → 10/2015	Phó phòng Tài chính kế toán công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2015 → nay	Trưởng ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Trưởng Ban kiểm soát công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,02% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0,03% vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
---	-------

2.2.2. Ông Trương Minh Đức – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	TRƯƠNG MINH ĐỨC
Số CMTND	080468357 cấp ngày 01/07/2009 nơi cấp CA Cao Bằng
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	12/ 02/ 1978
Nơi sinh	Xã Vân Sơn. huyện Thiệu Sơn. tỉnh Thanh Hóa
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Vân Sơn. huyện Thiệu Sơn. tỉnh Thanh Hóa
Địa chỉ thường trú	Phường Sông Bằng. Thành phố Cao Bằng. tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư điện tự động hóa công nghiệp
Quá trình công tác	
11/1999 – 12/2000	Công nhân vận hành công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
01/2001 – 10/2011	Công nhân sửa chữa điện công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2011 – 10/2013	Kỹ thuật viên xưởng công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
11/2013 – 09/2014	Nhân viên phòng kỹ thuật công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
10/2014 – đến nay	Quản đốc phân xưởng Động Lực công ty cổ phần mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS Công ty CP Mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0% vốn điều lệ.
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.2.3. Ông Đinh Bế Đính – Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	ĐINH BẾ ĐÍNH
-----------	--------------

Số CMTND	080375579 cấp ngày 03/08/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	nam
Ngày tháng năm sinh	14/ 11/ 1982
Nơi sinh	Xã Mỹ Hưng. H. Quảng Hòa, T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Mỹ Hưng. H. Quảng Hòa. T. Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Xã Mỹ Hưng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824106
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ điện
Quá trình công tác	
08/2007 – 09/2011	Cán bộ kỹ thuật + Phó quản đốc Xưởng Đường công ty CP mía đường Cao Bằng
10/2011 – đến nay	Quản đốc PX Cán Ép công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Thành viên BKS công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	0,01% vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	0 % Vốn điều lệ
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.3. Thành viên ban Tổng Giám đốc

2.3.1. Ông Nông Văn Thuyết (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.1 - Hội đồng quản trị)

2.3.2. Ông Ma Trung Lập (Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.3 - Hội đồng quản trị)

2.3.3. Ông Nông Văn Sơn Sơ yếu lý lịch trình bày tại mục 2.1.5 - Hội đồng quản trị)

2.3.4. Bà Nông Thị Nậu – Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	NÔNG THỊ NẬU
Số CMTND	085088020 cấp ngày 09/06/2011 tại CA Cao Bằng
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	22/ 12/ 1968
Nơi sinh	X. Hồng Định. H.Quảng Hòa. T. Cao Bằng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Tày
Quê quán	Xã Hồng Định. Huyện Quảng Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Địa chỉ thường trú	Xã Hồng Định. Huyện Quảng Hòa. Tỉnh Cao Bằng
Điện thoại liên lạc ở Cơ quan	026 3824487
Trình độ văn hoá	10/10
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư nông nghiệp
Quá trình công tác	
10/1997 – 12/1997	Công nhân công nghệ đường công ty mía đường Cao Bằng
01/1998 – 10/1998	Phó Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
11/1998 – 12/2000	Quyền QĐ PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
01/2001 – 07/2003	Quản đốc PX cán ép công ty mía đường Cao Bằng
08/2003 – 11/2010	Trưởng phòng nguyên liệu mía công ty CP mía đường Cao Bằng
12/2010 – 06/2011	Thành viên HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
07/2011 – 10/2015	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc công ty CP mía đường Cao Bằng
11/2015 - đến nay	Phó tổng giám đốc. công ty CP mía đường Cao Bằng
Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD	Phó Tổng giám đốc phụ trách vùng nguyên liệu mía; Chủ tịch công đoàn Công ty.
Chức vụ công tác hiện nay tại TC khác	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán	chiếm 0,28 % vốn điều lệ
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của	0 % vốn điều lệ.

những người liên quan	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

2.4. Kế toán trưởng: Bà Mã Thị Quyết – Kế toán trưởng

(Sơ yếu lý lịch của kế toán trưởng đã được trình bày tại mục 2.1.4 - Hội đồng Quản trị)

2.5. Cơ cấu lao động của Công ty:

Cơ cấu lao động ngày 30/06/2023

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đại học trở lên	27	9,31
2	Cao đẳng, trung cấp	246	84,83
3	Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	17	5,86
Tổng cộng		290	100

Thu nhập của người lao động

	Niên độ 2020 - 2021	Niên độ 2021 - 2022	Niên độ 2022 - 2023
Mức lương bình quân	5.715.000 đồng/người/tháng	6.300.000 đồng/người/tháng	7.740.000 đồng/người/tháng

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án .

Dây truyền sản xuất chế biến đường được bảo dưỡng sửa chữa thường xuyên, trong năm chi phí đầu tư nâng cấp sửa chữa thiết bị là 8.793 tỷ đồng.

4. Tình hình tài chính:

a> Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021 (từ T7/2021 -> hết T6/2022)	Năm 2022 (từ T7/2022 -> hết T6/2023)	% tăng, giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	227,606	241,015	(+) 5.89

2	Doanh thu thuần	Tr. đồng	240,467	297,313	(+) 23.64
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	63,001	56,924	(-) 9.65
4	Lợi nhuận khác	Tr. đồng	(541)	280	
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tr. đồng	62,460	57,204	(-) 8.41
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr. đồng	49,939	54,978	(+) 10.09
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	80	20	(-)75.00

b> Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2021 (từ T7/2021 -> hết T6/2022)	Năm 2022 (từ T7/2022 -> hết T6/2023)	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2.59 lần	6.87 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	1.5 lần	5.61 lần	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.28 %	0.11 %	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.39 %	0.12 %	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	3.70 vòng	6.61 vòng	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1.06 %	1.23 %	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.20 %	0.18 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.31 %	0.46 %	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.22 %	0.23 %	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.26 %	0.19 %	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .

a> Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 5,291,868 cổ phần
- Loại CP đang lưu hành: Cổ phần phổ thông
- Số lượng CP chuyển nhượng tự do: 5,291,868 cổ phần
- Số lượng CP bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không

b> Cơ cấu cổ đông (Danh sách cổ đông có đến 15/09/2023):

Tổng số cổ đông: 647 Cổ đông, số CP: 5.291.868, tỷ lệ sở hữu 100%, trong đó:

- Cổ đông lớn: 02 Cổ đông, trong đó:

+ Cổ đông lớn là cá nhân: Ông Nông Văn Sơn, số cổ phần nắm giữ là 2.430.628 CP, tỷ lệ sở hữu 45,93%.

Ông Nông Văn Thuyết, số cổ phần nắm giữ là 285.774 CP, tỷ lệ sở hữu 5,40%

+ Cổ đông lớn là tổ chức: Không có

- Cổ đông nhỏ: 645 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 2.575.466 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 48,67%, trong đó:

+ Cổ đông tổ chức: 05 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 188.400 CP chiếm tỷ lệ: 3,56%

+ Cổ đông cá nhân: 640 cổ đông, số cổ phần nắm giữ: 2.387.066 CP, chiếm tỷ lệ sở hữu: 45,11%,

- Cổ đông trong nước: chiếm tỷ lệ sở hữu 100%.

- Cổ đông nước ngoài: Không có.

c> Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ):

Thời điểm góp vốn	Nội dung tăng vốn điều lệ	Vốn điều lệ (đồng)
Năm 2006	Vốn góp của cổ đông sáng lập	3.638.960.000
Năm 2012	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	11.644.600.000
Năm 2015	Phát hành cổ phiếu chào bán cho người lao động và nhà đầu tư riêng lẻ	2.716.440.000
Năm 2017	Phát hành cổ phiếu để trả cổ phiếu thưởng và chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu	7.200.000.000
Năm 2018	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	10.079.250.000

Năm 2023	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu	17.639.430.000
Cộng		52.918.680.000

d> Giao dịch cổ phiếu quỹ: không

e> Các chứng khoán khác: Không

8. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty .

6.1. Tác động lên môi trường:

Công ty có hệ thống bể xử lý nước thải, hệ thống thiết bị quan trắc tự động, đảm bảo nước thải sản xuất thải ra môi trường đạt các chỉ tiêu theo quy định.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tiêu thụ nguyên liệu:

Nguyên liệu chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Mía đường Cao Bằng là cây mía. Khối lượng mía đưa vào sản xuất trong trong niên độ 2022 – 2023 là 131.884 tấn. Sau khi tiến hành sản xuất đường thì các phế phẩm được thu hồi và xử lý như sau:

- Đối với bã mía: Được sử dụng làm nhiên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho dây truyền SX chế biến đường.
- Đối với bã bùn: Được bán trực tiếp cho người dân sử dụng cho trồng mía và các loại hoa màu khác.
- Mật rỉ: Được thu vào bồn chứa và bán cho cơ sở sản xuất cồn.

b) Tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng:

Trong dây truyền sản xuất mía đường, nguồn nhiên liệu chính mà Công ty sử dụng là bã mía làm nguyên liệu đốt cho lò hơi để cung cấp nhiệt cho chạy tuabin phát điện và cung cấp nhiệt cho nấu đường.

c) Tiêu thụ nước:

Nguồn nước công ty sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh được sử dụng trực tiếp từ nước sông (nước mặt).

Lượng nước thải của Công ty sau quá trình sản xuất được thu gom, xử lý và xả thải đúng quy định, đảm bảo không gây các tác động xấu đến môi trường xung quanh.

c) Chính sách đối với người lao động

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:
 - Xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại, tuyển dụng lao động căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Bồi dưỡng đội ngũ quản lý có năng lực, trình độ chuyên môn;
- Sắp xếp, tinh giản lại nhân sự các phòng ban theo hướng gọn nhẹ;
- Thu hút nguồn nhân lực có năng lực, kinh nghiệm và phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Chính sách lương thưởng – phúc lợi
- Xây dựng chế độ Tiền lương, thưởng và phụ cấp cho cán bộ nhân viên một cách rõ ràng, minh bạch. Tiền lương bình quân của người lao động trong năm là 7.740.000 đồng/ người/ tháng.
- Thực hiện đầy đủ các quy định của Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các quy định của Nhà nước liên quan đến chế độ và quyền lợi của người lao động. 100% người lao động của công ty được đóng đầy đủ BHXH.
- Thương xuyên quan tâm đến đời sống như tinh thần của cán bộ nhân viên bằng các hoạt động đoàn thể, thăm quan – du lịch hay thể dục – thể thao, ...

d) Tuân thủ pháp luật về môi trường

Công ty luôn chủ động nắm bắt và cập nhật các quy định của pháp luật về môi trường. Trong quá trình hoạt động sản xuất, Công ty cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn đảm bảo tuân thủ tốt các quy định về môi trường. Trong năm Công ty không bị xử phạt do không tuân thủ quy định về môi trường của Cơ quan quản lý Nhà nước.

e) Trách nhiệm đối với cộng đồng – xã hội

Từ khi thành lập đến nay, Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng luôn ý thức việc phát triển doanh nghiệp gắn liền với trách nhiệm đối với cộng đồng - xã hội.

Bên cạnh việc tuân thủ nghĩa vụ về Thuế đối với nhà nước, Công ty có những hoạt động thiện nguyện như: Ủng hộ các quỹ từ thiện của địa phương; Tham gia phong trào đền ơn đáp nghĩa; Làm nhà tình nghĩa...

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Kết quả sản xuất kinh doanh:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH vụ 2022-2023	TH vụ 2022- 2023	Tỉ lệ %
1	Diện tích vùng nguyên liệu		2.450	2.007	82
	<i>Trong đó diện tích trồng mới</i>		1.100	775,7	75,5
2	Tổng sản lượng mía sạch đưa vào sản xuất	Tấn	146.000	131.884	90,3
3	Tỷ lệ mía/đường	M/Đ	9.5	9.62	101

4	Sản lượng Đường nhập kho	tấn	15.368	13.708	89
	<i>Trong đó : SL đường trắng</i>	<i>tấn</i>	15.368	13.708	89
	<i>SL đường vàng</i>	<i>tấn</i>	0	0	
5	Sản lượng đường tiêu thụ	tấn	15.500	17.049	110
	<i>Trong đó : SL đường trắng bao</i>	<i>tấn</i>	11.462	12.979	
	<i>SL đường trắng túi</i>	<i>tấn</i>	1.098	1.132	
	<i>SL đường vàng bao</i>	<i>tấn</i>	2.438	2.436	
	<i>SL đường vàng túi</i>	<i>tấn</i>	502	502.	
6	Sản lượng mật rỉ tiêu thụ	tấn	5.800	5.597	96,5
7	SL bã bùn- tro lò TT	tấn	3.600	4.775	132
8	Tổng doanh thu :	tr.đ	256.310	296.433	115,6
	<i>Doanh thu đường</i>	<i>Tr.đ</i>	241.050	282.481	
	<i>(Giá bán bình quân)</i>	<i>đ/kg</i>	15.550	16.568	106
	<i>Doanh thu Mật rỉ</i>	<i>tr.đ</i>	14.360	12.814,6	
	<i>DT bã bùn – tro lò</i>	<i>Tr.đ</i>	900	1.137,6	
9	Tổng số lao động trong vụ ép	người	306	306	100
10	Thu nhập BQ lao động	tr.đ	5.500	6.500	118
11	Lợi nhuận TT	tr.đ	37.177	57.204	154
12	Nộp NSNN	tr.đ	11.000	24.769	225

Hoạt động kinh doanh vụ 2022-2023 diễn ra thuận lợi. Giá đường trong nước có sự chuyển biến tích cực, nhờ đó kết quả kinh doanh vụ 2022-2023 của Công ty Cổ phần mía đường Cao Bằng đạt được những thành quả nhất định.

Doanh thu chính Vụ ép 2022-2023 tăng 15.7 % so với kế hoạch tương ứng tăng số tiền là: 40.125 triệu đồng, doanh thu tăng do Sản lượng bán ra tăng 10 % ; giá bán đường tăng 6% trong năm so với kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế đạt 154 % so với kế hoạch.

Nộp ngân sách nhà nước đạt 225 % so với kế hoạch

2.Kết quả sản xuất mía nguyên liệu:

2.1. Diện tích sản lượng.

- Vùng nguyên liệu của Công ty chủ yếu thuộc huyện Quảng Hòa, ngoài ra còn có một phần nhỏ thuộc huyện Thạch An và Trùng Khánh.

Tổng diện tích mía đứng vụ ép 2022-2023 là : 2.251 ha trong đó mía tơ : 946 ha.

Tổng số hộ dân trồng mía và đã ký hợp đồng thu mua với nhà máy là 4.170 hộ

Năng suất : 57 tấn/ ha

Tổng sản lượng: Mía ép đưa vào sản xuất vụ 2022-2023 là : 131.884 tấn.

Mía để giống cho vụ 2023-2024 : 1.578 tấn

Tổng diện tích mía vụ 2023-2024 là: 2.007 ha giảm 18% so với kế hoạch (KH: 2.450ha)

2.2. Thu mua, đôn chặt, vận chuyển.

- Vụ ép 2022-2023 Công ty thu mua hết số mía đã ký hợp đồng với các hộ nông dân vùng nguyên liệu.

- Giá mua mía bình quân cả vụ: 1.063 đồng/kg

- Tiền mía được thanh toán kịp thời, chính xác.

- Công tác đôn chặt, vận chuyển hợp lý, chủ động đáp ứng theo kế hoạch sản xuất của dây chuyền, tỷ lệ mía cũ, đầu đen, đầu đỏ ít.

2.3. Đầu tư, thu hồi công nợ vùng nguyên liệu.

- Niên vụ 2022-2023 Công ty vẫn duy trì chính sách đầu tư, khuyến khích đối với các hộ nông dân trồng mía như: cho vay phân bón, thuốc trừ cỏ, mía giống không tính lãi, trợ giá mía giống đối với diện tích trồng mới.

- Thu hồi công nợ vụ 2022-2023 đạt 99,6%

- Tổng số tiền đầu tư cho vụ 2023-2024 : 13.403 triệu đồng

3. Kết quả sản xuất chế biến đường:

- Vụ sản xuất 2022-2023 bắt đầu từ ngày 21/11/2022 và kết thúc ngày 26/02/2023. Trong quá trình sản xuất hầu hết các công đoạn trên dây chuyền đã hoàn thành nhiệm vụ. Dây chuyền sản xuất ổn định, kiểm soát tương đối tốt các chỉ tiêu, ban DHSX và trưởng các bộ phận sản xuất đã linh động điều chỉnh công suất và các chỉ tiêu kỹ thuật dây chuyền để hạn chế tối đa tổn thất. Tuy nhiên do chất lượng mía thấp không đạt theo chỉ tiêu gây khó khăn trong sản xuất chế biến, nhiều chỉ tiêu chưa đạt theo kế hoạch cần có giải pháp hạn chế, khắc phục trong vụ tới. Tổng sản lượng đường sản xuất đạt 89,2% so với kế hoạch. Nguyên nhân là do lượng mía đưa vào sản xuất thấp hơn dự kiến, do thời tiết xấu nên mía chất lượng thấp. Cụ thể theo bảng số liệu sau:

Bảng chỉ tiêu kết quả sản xuất.

TT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị	Vụ 2022 - 2023		
			KH	TH	% (TH/KH)
1	2	3	5	6	7 = 6/5
1	Năng suất ép thực tế	t/ngày	1.600	1.634	102,12
2	Tổng hiệu suất thu hồi	%	83,5	82,53	98,8

3	Trữ đường bình quân (CCS)		11	10,8	97,9
4	Sản lượng đường	tấn	15.368	13.708	89
5	An toàn thiết bị	%	98,5	99	100

4. Kết quả thực hiện các mặt công tác khác:

4.1. Về công tác lao động tiền lương.

- Công tác tổ chức lao động niên vụ 2022-2023 : Công ty đã sắp xếp lao động hợp lý để ổn định công tác tổ chức, đáp ứng được chất lượng công việc nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động, giảm chi phí sản xuất kinh doanh . Định biên lao động vụ 2022-2023 là 306 người giảm 2 người so với vụ trước. Tiền lương bình quân của người lao động là 6.500.000 đồng/người/tháng. Nộp đầy đủ các khoản bảo hiểm đảm bảo quyền lợi cho CBCNV người lao động. Ngoài ra công ty còn chi trả thêm tiền thưởng, tiền lương tháng 13, tiền đồng phục, tiền thâm niên trong vụ ép; hỗ trợ tiền điện thoại, tiền ăn ca....

4.2. Công tác an ninh trật tự, an toàn lao động.

- Đảm bảo an toàn an ninh trật tự trong công ty.
- CBCNV người lao động và khách hàng thực hiện tốt Nội quy, Quy định của công ty.
- Công tác an toàn lao động trong toàn Công ty được duy trì và thực hiện tốt, vụ ép 2022-2023 không xảy ra tai nạn lao động.

4.3. Công tác duy trì Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 được duy trì thường xuyên.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Về các mặt hoạt động của công ty.

- Các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao, có trách nhiệm với cổ đông, có nhiều đổi mới mang lại hiệu quả cao trong công tác quản lý, điều hành góp phần tạo nên sự ổn định trong công ty. Chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ SX chế biến vụ 2022 - 2023, việc làm và thu nhập người lao động ổn định, phát huy vai trò làm chủ của các cổ đông và người lao động, duy trì được kỷ cương của doanh nghiệp.

- Chỉ đạo xây dựng, bổ sung các nội qui, qui chế sát với yêu cầu thực tế đã phát huy được tác dụng tốt trong quản lý điều hành, nâng cao ý thức làm chủ của người lao động . Trong vụ sản xuất 2022 - 2023 công ty đã không xảy ra các tệ nạn xã hội, các công tác an ninh, an toàn VSTP, ATLĐ và PCCN đều được đảm bảo tốt . Nội bộ trong HĐQT đoàn kết và thống nhất cao trong hoạch định phát triển của Công ty .

- Chỉ đạo Ban điều hành, xây dựng quy chế và đề ra các chính sách kinh tế theo hướng tích cực để phát triển vùng nguyên liệu mía trên diện tích đã được quy hoạch, đáp ứng phù hợp lộ trình mở rộng công suất nhà máy .

2. Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị tập trung bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh vụ sản xuất 2022-2023, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường tình hình kinh tế trong nước trước ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động công ty, kịp thời điều chỉnh để thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động đưa công ty vượt qua những khó khăn thách thức... để mang lại hiệu quả cao .

- Trong năm tổ chức các kỳ họp HĐQT theo định kỳ và lấy ý kiến thông qua phiếu biểu quyết; đã ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định xoay quanh các lĩnh vực như : Thông qua mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm vụ 2022 - 2023, Đầu tư địa bàn vùng nguyên liệu mía, Phê duyệt các hạng mục đầu tư nâng cấp dây truyền sản xuất cùng nhiều nội dung liên quan khác,...

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 28/10/2022, thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán, kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phân phối lợi nhuận NĐTC 2021-2022 và quyết định một số vấn đề quan trọng khác.

- Hội đồng quản trị luôn quan tâm hàng đầu vấn đề phát triển vùng nguyên liệu mía; chỉ đạo hoàn thành dự án đầu tư nâng công suất dây truyền sản xuất chế biến đường theo đúng kế hoạch đề ra. Vụ ép 2022-2023 đạt được: Diện tích mía là 2.251 ha; sản lượng mía nguyên liệu đạt 131.884 tấn; công suất ép bình quân đạt 1.634 tấn mía/ ngày.

3. Kế hoạch của Hội đồng quản trị :

Nền kinh tế-xã hội của nước ta tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức trước những biến động toàn cầu về dịch bệnh, lạm phát, suy thoái kinh tế, chiến tranh kéo dài, biến đổi khí hậu, kinh tế thế giới còn tiềm ẩn yếu tố rủi ro và được dự báo tiếp tục có những biến động khó lường. Ở trong nước giá bán đang duy trì ở mức cao nhưng sản lượng đường của công ty bị thiếu hụt, đây là một thách thức lớn đối với Ban lãnh đạo Công ty trong việc phát triển mở rộng vùng nguyên liệu mía.

Trước tình hình đó Hội đồng quản trị tiếp tục chỉ đạo thực hiện các giải pháp cơ bản sau :

- Ưu tiên mọi nguồn lực để tập trung đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía về mở rộng diện tích, hợp tác sản xuất, cơ cấu giống mía có năng suất và chất lượng cao. Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu với mục tiêu vụ SX đông xuân 2023-2024 diện tích mía phải đạt từ 2.500 ha trở lên, các năm tiếp theo phấn đấu đưa diện tích mía đạt trên 3.000 ha. Năng suất mía bình quân đạt từ 65 tấn/ ha trở lên. Độ đường trong mía (CCS) đạt từ

11 CCS trở lên. Tiếp tục bổ sung chính sách phát triển vùng nguyên liệu mía, giá thu mua mía phù hợp với thị trường nhằm đảm bảo lợi ích hài hòa giữa người trồng mía và Công ty.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng dây truyền sản xuất chế biến đường, phát huy tối đa năng lực sản xuất, giảm thiểu sự cố dây truyền đảm bảo việc sản xuất theo đúng kế hoạch, duy trì công suất ép bình quân đạt từ 1.600 tấn mía/ ngày, để việc thu mua mía của người dân đúng thời hạn quy định, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao hiệu quả sản xuất.
- Thực hiện tốt giải pháp về tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm chi phí sử dụng vốn. Tiếp tục hoàn thiện Quy chế quản lý tài chính, xây dựng định mức chi phí. Giám sát quá trình thu nợ đầu tư để có vốn tái đầu tư vùng nguyên liệu và hoạt động sản xuất kinh doanh .
- Thực hiện nghiêm túc Quy chế quản trị Công ty theo tinh thần phát huy cao tính tự chủ, năng động sáng tạo và kỷ cương. Phân cấp, phân quyền, bổ sung và điều chỉnh quy chế trách nhiệm của HĐQT, Tổng giám đốc, các phó Tổng giám đốc, các phòng ban đơn vị gắn với trách nhiệm vật chất. Tổ chức thông tin và cập nhật thông tin tình hình phát triển, những khó khăn thuận lợi của Công ty đến các cổ đông.
- Tạo điều kiện thuận lợi và phát huy vai trò của cá nhân và tập thể, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, phát huy văn hoá doanh nghiệp, tổ chức và nâng cao các hoạt động văn hoá thể thao du lịch cải thiện đời sống tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân lao động ngày càng gắn bó yêu mến Công ty.
- Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với thị trường, tạo lập kênh phân phối ổn định thông qua ký kết Hợp đồng với các khách hàng truyền thống. Mở rộng thị trường bán lẻ ra các tỉnh lân cận.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2022 HĐQT không có sự thay đổi về nhân sự.

Hội đồng quản trị :

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2023	
		Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	276.674	5,22%
Ông Ma Trung Lập	Phó chủ tịch/Tổng Giám đốc	28.212	0,53%
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên/Kế toán trưởng	77.526	1,46%

Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT	40.000	0,76%
Ông Nông Văn Sơn	Thành viên/Phó Tổng Giám đốc	2.430.628	45,93%

b. Các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị: Hiện nay công ty chưa có các tiểu ban thuộc hội đồng quản trị.

c. Hoạt động của hội đồng quản trị:

Các cuộc họp, nghị quyết của HĐQT trong niên độ 2022 – 2023

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 403/QĐ - HĐQT	22/07/2022	Phê duyệt định biên lao động vụ SX 2022-2023
2	Số 406/QĐ - HĐQT	25/07/2022	Ban hành Quy chế thưởng cho Ban điều hành quản lý công ty.
3	Số 411/NQ- HĐQT	29/07/2022	Về việc tổ chức cho người lao động đi tham quan nghỉ mát.
4	Số 413/QĐ - HĐQT	01/08/2022	Về việc tái bổ nhiệm chức danh Tổng giám đốc đối với Ông Ma Trung Lập.
5	Số 414/QĐ-HĐQT	01/08/2022	Về việc tái bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với Bà Nông Thị Nậu.
6	Số 429/NQ-HĐQT	09/08/2022	Về việc thông qua các chỉ tiêu kế hoạch SXKD niên vụ 2022-2023.
7	Số 430/QĐ-HĐQT	10/08/2022	Về việc trích lập quỹ tiền lương dự phòng cho vụ sản xuất 2022-2023.
8	Số 462/NQ-HĐQT	14/09/2022	Về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
9	Số 477/QĐ-HĐQT	19/09/2022	Về việc phê duyệt đơn giá tiền lương, quỹ tiền lương kế hoạch niên vụ sản xuất 2022-2023.
10	Số 485/NQ-HĐQT	27/09/2022	Thông qua giá thu mua mía niên vụ sản xuất 2022-2023.
11	Số 487/QĐ-HĐQT	27/09/2022	Về việc Ban hành chính sách thu mua mía, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía vụ 2022-2023.
12	Số 493/QĐ-HĐQT	30/09/2022	Về việc phê duyệt kế hoạch SXKD niên vụ 2022-2023.
13	Số 542/NQ-HĐQT	25/10/2022	Về việc vay vốn ngân hàng đầu tư cho vụ SX

			2022-2023.
14	Số 554/QĐ-HĐQT	01/11/2022	Quyết định thời điểm chi cổ tức NĐTC 2021-2022 bằng tiền mặt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
15	Số 574/QĐ-HĐQT	09/11/2022	Về việc ban hành Quy chế dân chủ cơ sở tại Công ty CP mía đường Cao Bằng.
16	Số 589/QĐ-HĐQT	18/11/2022	Về việc thành lập Ban điều hành SX niên vụ 2022-2023.
17	Số 600/NQ-HĐQT	24/11/2022	Về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.
18	Số 634/QĐ-HĐQT	08/12/2022	Ban hành giá phân bón đầu tư ứng trước cho các nông hộ trồng mía vụ Đông xuân 2022-2023.
19	Số 664/QĐ-HĐQT	24/12/2022	Về việc trợ cước, trợ giá Mía giống, phân bón đầu tư ứng trước cho các nông hộ trồng mía vụ Đông xuân 2022-2023.
20	Số 669/QĐ-HĐQT	28/12/2022	Về việc chi tiền tết cho dương lịch năm 2023 cho người lao động.
21	Số 37/NQ-HĐQT	18/01/2023	Thống nhất sửa đổi Điều lệ hoạt động do thay đổi ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023.
22	Số 55/NQ-HĐQT	04/02/2023	Thống nhất thông qua chủ trương thực hiện đề án liên kết hợp tác sản xuất mía nguyên liệu với Nhà máy đường Long Châu II, Trung Quốc.
23	Số 58/NQ-HĐQT	06/02/2023	Về việc đính chính sửa đổi Điều lệ hoạt động của Công ty.
24	Số 88/NQ-HĐQT	22/02/2023	Về việc tổ chức triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức NĐTC 2021-2022 theo NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.
25	Số 143/QĐ-HĐQT	29/03/2023	Về việc phê duyệt hạng mục đầu tư, sửa chữa nâng cấp nhà xưởng, dây truyền sản xuất đường.
26	Số 150/NQ-HĐQT	03/04/2023	Về việc thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt DS cổ đông thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu NĐTC 2021-2022.
27	Số 188/NQ-HĐQT	26/04/2023	Về việc thông qua nội dung chính sách thu mua và đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía vụ 2023-2024 và vụ 2024-2025.
28	Số 189/QĐ-MĐ	26/04/2023	Quyết định ban hành chính sách thu mua và đầu tư phát triển vùng nguyên liệu mía vụ 2023-2024 và

			vụ 2024-2025.
29	Số 197/NQ-HĐQT	05/05/2023	Về việc thông qua thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do thay đổi bổ sung ngành nghề kinh doanh.
30	Số 197/NQ-HĐQT	12/06/2023	Thông qua việc lựa chọn đơn vị Kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính NĐTC 2022-2023.

Hoạt động của hội đồng quản trị theo cơ chế tập trung dân chủ tuân thủ pháp luật, điều lệ và các nghị quyết đại hội cổ đông, của hội đồng quản trị. Các thành viên hội đồng quản trị thực hiện chức trách nhiệm vụ theo quy chế hiện hành. Chế độ hội họp của Hội đồng quản trị thực hiện đúng quy định điều lệ và qui chế làm việc, nội dung các cuộc họp chuẩn bị chu đáo, ghi biên bản và ban hành các nghị quyết triển khai đến các cấp điều hành thực hiện.

d. Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành:

Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập không tham gia điều hành: Trong năm tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Giám sát chặt chẽ hoạt động SXKD của Công ty.

2. Ban kiểm soát:

a. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

Danh sách Ban kiểm soát công ty:

Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần có đến 30/6/2023	
		Số cổ phần	Tỷ lệ SH cổ phần
Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng Ban kiểm soát	1.500	0,02%
Ông Trương Minh Đức	Thành viên BKS/ QĐ PX	0	0%
Ông Đinh Bế Đính	Thành viên BKS /QĐ PX	900	0,01%

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Thù lao Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát

a) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc:

Đơn vị tính; Đồng

STT	Chức vụ	Số thành viên	Tiền lương	Thù lao HĐQT, BKS	Tổng cộng
1	Chủ tịch HĐQT	1	210,624,000	-	210,624,000

2	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GĐ	1	168,917,000	32,076,000	200,993,000
3	Thành viên HĐQT	3	290,352,000	84,348,000	374,700,000
4	Trưởng Ban kiểm soát	1	120,910,000	-	120,910,000
5	Thành viên Ban kiểm soát	2	402,216,000	28,512,000	430,728,000
6	Phó Tổng giám đốc	1	153,346,000	-	153,346,000
	Cộng	9	1,346,365,000	144,936,000	1,491,301,000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan:

STT	Tên cổ đông	Quan hệ với CĐNB	SL cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số lượng cổ phần sở hữu cuối kỳ		Ghi chú
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	tỷ lệ	
1	Nông Văn Thuyết	CT HĐQT	180,616	5.11%	276.674	5,23 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
1.1	Hoàng Thị Tuyết Mai	Vợ	-		0		
1.2	Nông Triều Dương	Con	-		0		
1.3	Nông Hồng Duy	Con	0		0		
1.4	Nông Thị Thủy	Chị gái	3,600	0.10%	5.400	0,10 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
1.5	Nông Văn Trình	Em trai	980	0.03%	4.470	0,08 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Ma Trung Lập	P CT HĐQT /TGD	18,808	0.53%	28.212	0,53 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2.1	Lương Thị Hiền	Vợ	-		-		
2.2	Ma Đình Phong	Con	-		-		
3	Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT	1,591,319	45.11%	40.000	0,76 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3.1	Bà Nông Thị Hoa	Vợ của Ông Nông Văn Lạc	7,549	0.21%	32.923	0,62 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3.2	Bà Nông Thị Thu Hà	Con của Ông Nông Văn Lạc	32	0.00%	30.048	0,56 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3.3	Ông Nông Văn Sơn	Con của Ông Nông Văn Lạc	31,300	0.89%	2.430.628	45,93 %	Nhận cổ tức bằng

		Văn Lạc					cổ phiếu
3.4	Ông Nông Văn Ba	Em của Ông Nông Văn Lạc	5.762	0,16 %	8.643	0,16 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Bà Mã Thị Quyết	TV HĐQT/ KTT	51,684	1.46%	77.526	1,46 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4.1	Đàm Thịnh Hưng	Chồng	2,732	0.07%	4.098	0,07 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4.2	Đàm Lê An Phương	Con	-		-		
4.3	Đàm Lê An Khánh	Con	-		-		
5	Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT/ Phó TGD	31,300	0.89%	2.430.628	45,93 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5.1	Nông Văn Lạc	Bố, Thành viên HĐQT	1,591,319	45.11%	40.000	0,76 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5.2	Nông Thị Hoa	Mẹ	7,549	0.21%	32.923	0,62 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5.3	Nông Thị Thu Hà	Chị	32	0.00%	30.048	0,56 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Nông Thị Nậu	Phó TGD	10,012	0.28%	15.018	0,28 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6.1	Đình Ích Bôi	Chồng	-		-		
6.2	Đình Thị Bền	Con	-		-		
6.3	Đình Mạnh Vững	Con	-		-		
7	Hoàng Thị Quyết	TB BKS	972	0.02%	1.500	0.02 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7.1	Hoàng Ngọc Long	Chồng	0		0		
7.2	Hoàng Ngọc Quỳnh	Con	0		0		
7.3	Hoàng Ngọc Ân	Con	0		0		
7.4	Hoàng Văn Trường	Anh	1,062	0.03%	1.593	0,03 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8	Trương Minh Đức	TV BKS	0		0		

8.1	Sầm Thị Hương	Vợ	0		0		
8.2	Trương Minh Huy	Con	0		0		
8.3	Trương Minh Tân	Con	0		0		
9	Đình Bế Đính	TV BKS	1,600	0.04%	900	0,01 %	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9.1	Nông Thị Hoạch	Vợ	-		-		
9.2	Đình Bế Thiên Đan	Con	-		-		
9.3	Đình Thiên Lý	Con	-		-		

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty tiếp tục hoàn thiện các quy chế về quản trị công ty, theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, phù hợp với tình hình thực tế của công ty nhằm nâng cao hiệu lực hiệu quả trong điều hành quản lý Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH (được trình bày trong phần tiếp theo)

Gồm các nội dung:

I. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

II. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
4. Thuyết minh báo cáo tài chính

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK Hà nội;
- Đăng Website- CBS;
- Lưu Vt.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HĐQT
Nông Văn Thuyết

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 05 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 52.918.680.000 VNĐ (Năm mươi hai tỷ chín trăm mười tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn), tương ứng với 5.291.868 cổ phần.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012, thay đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 05 năm 2023, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất đường
Chi tiết: Sản xuất, xuất khẩu xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cồn, bánh kẹo);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành mía đường;
- Sửa chữa máy móc thiết bị
Chi tiết: Sửa chữa máy móc thiết bị ngành mía đường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành mía đường;
- Trồng cây mía;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm
Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh;

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị

Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT
Ông Nông Văn Lạc	Thành viên HĐQT
Ông Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Mã Thị Quyết	Thành viên HĐQT
Ông Nông Văn Sơn	Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Quyết	Trưởng ban
Ông Trương Minh Đức	Thành viên
Ông Đinh Bế Đình	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Ma Trung Lập	Tổng Giám đốc
Bà Nông Thị Nậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nông Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mã Thị Quyết	Kế toán trưởng

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT
---------------------	---------------

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị với Báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NÔNG VĂN THUYẾT
Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 19 tháng 09 năm 2023



Số: 039/2023/BCKT-PB.00024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 09 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như đã nêu tại Thuyết minh 7.2, số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh miễn giảm thuế TNDN theo quy định với phần thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 căn cứ theo công văn số 1643/CVCBA-TTHT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Cục thuế tỉnh Cao Bằng.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM –
CHI NHÁNH PHÍA BẮC

Hà Nội, ngày 19 tháng 09 năm 2023

VŨ GIANG NAM

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5246-2021-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2023 VND	01/07/2022 VND
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		184.196.577.508	166.682.159.057
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	18.895.458.179	47.509.979.861
1. Tiền	111		18.895.458.179	47.509.979.861
II/ Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		100.000.000.000	30.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	100.000.000.000	30.000.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.104.403.738	18.912.733.005
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	14.552.500.950	14.653.064.841
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.188.402.946	2.026.713.346
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	5.023.967.157	1.952.140.193
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(45.100.000)	(103.818.060)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		384.632.685	384.632.685
IV/ Hàng tồn kho	140	5.7	33.946.357.298	70.259.446.191
1. Hàng tồn kho	141		33.946.357.298	70.259.446.191
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		10.250.358.293	-
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	10.250.358.293	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.819.102.210	60.923.724.294
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II/ Tài sản cố định	220		38.729.855.289	44.573.856.318
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	37.585.533.699	43.376.771.296
- Nguyên giá	222		241.757.203.949	240.538.929.607
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(204.171.670.250)	(197.162.158.311)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	1.144.321.590	1.197.085.022
- Nguyên giá	228		1.842.128.434	1.842.128.434
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(697.806.844)	(645.043.412)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		10.640.634.678	10.409.250.419
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	10.640.634.678	10.409.250.419
V/ Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		7.448.612.243	5.940.617.557
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	7.448.612.243	5.940.617.557
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		241.015.679.718	227.605.883.351

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2023 VND	01/07/2022 VND
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		26.792.600.829	51.785.069.023
I/ Nợ ngắn hạn	310		26.792.600.829	51.785.069.023
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	254.090.416	4.366.908.723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	10.296.861.622	31.245.995.603
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	3.430.151.662	1.538.627.601
4. Phải trả người lao động	314		3.164.908.325	1.666.634.968
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		109.155.068	144.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	1.820.258.307	2.349.771.796
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	-	6.437.168.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.15	2.858.870.000	2.700.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.858.305.429	1.335.962.332
II/ Nợ dài hạn	330		-	-
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		214.223.078.889	175.820.814.328
I/ Vốn chủ sở hữu	410	5.18	214.188.078.889	175.785.814.328
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		52.918.680.000	35.279.250.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.918.680.000	35.279.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		66.894.768.803	66.894.768.803
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.374.630.086	73.611.795.525
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		39.395.915.044	11.196.707.951
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		54.978.715.042	62.415.087.574
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		35.000.000	35.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		35.000.000	35.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		241.015.679.718	227.605.883.351



NÔNG VĂN THUYẾT
Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 19 tháng 09 năm 2023

MÃ THỊ QUYẾT
Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	297.330.238.546	240.578.012.051
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	16.965.000	111.008.809
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		297.313.273.546	240.467.003.242
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	236.643.040.602	169.388.635.314
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60.670.232.944	71.078.367.928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	4.980.431.126	766.625.837
7. Chi phí tài chính	22	6.5	908.924.055	1.165.440.735
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		797.123.288	1.081.041.100
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	1.278.372.138	1.185.819.306
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	6.539.484.122	6.492.370.189
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		56.923.883.755	63.001.363.535
11. Thu nhập khác	31	6.8	14.247.778.206	13.607.506.372
12. Chi phí khác	32	6.9	13.967.179.987	14.148.695.971
13. Lợi nhuận khác	40		280.598.219	(541.189.599)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		57.204.481.974	62.460.173.936
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	2.225.766.932	45.086.362
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		54.978.715.042	62.415.087.574
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11	12.607	17.330
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.12	12.607	17.330



NÔNG VĂN THUYẾT
Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 19 tháng 09 năm 2023

MÃ THỊ QUYẾT
Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Chi tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	291.543.368.101	277.068.168.810
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(180.222.088.490)	(191.931.721.884)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(16.907.212.594)	(14.721.815.699)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(797.123.288)	(1.081.041.100)
5. Thuế TNDN đã nộp	05	(12.521.211.587)	(510.382.585)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.565.399.981	988.257.360
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24.450.183.025)	(21.375.580.367)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	58.210.949.098	48.435.884.535
II/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.944.927.971)	(4.244.019.142)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	78.650.000	110.025.453
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(244.000.000.000)	(100.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	174.000.000.000	70.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.518.305.101	759.785.565
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(70.347.972.870)	(33.374.208.124)
III/ Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	30.000.000.000	70.000.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.437.168.000)	(97.500.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(10.070.644.300)	(3.357.433.140)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.507.812.300)	(30.857.433.140)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(28.644.836.072)	(15.795.756.729)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	47.509.979.861	63.298.896.318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61	30.314.390	6.840.272
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	18.895.458.179	47.509.979.861



NÔNG VĂN THUYẾT
Chức vụ: HĐQT

Cao Bằng, ngày 19 tháng 09 năm 2023

MÃ THỊ QUYẾT
Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng tiền thân là Công ty Mía đường Cao Bằng - DNNN trước đây được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng theo quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Cao Bằng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012 ngày 14/03/2006 thay đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 05 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp.

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

Trụ sở chính: Thị trấn Tà Lùng, huyện Quảng Hòa, tỉnh Cao Bằng

Vốn điều lệ của Công ty là: 52.918.680.000 VNĐ (Năm mươi hai tỷ chín trăm mười tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn), tương ứng với 5.291.868 cổ phần.

Công ty hiện đang niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch UPCOM theo quyết định số 428/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 06 năm 2017 của Tổng giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán: CBS.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động sản xuất và kinh doanh đường tinh luyện.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4800104012, thay đổi lần thứ 07 ngày 12 tháng 05 năm 2023, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất đường
Chi tiết: Sản xuất, xuất khẩu xuất khẩu đường kính trắng theo tiêu chuẩn Việt Nam và các sản phẩm sau đường (rượu, cốm, bánh kẹo);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành mía đường;
- Sửa chữa máy móc thiết bị
Chi tiết: Sửa chữa máy móc thiết bị ngành mía đường;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị ngành mía đường;
- Trồng cây mía;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm
Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, không có hoạt động nào có ảnh hưởng đáng kể đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía đường Cao Bằng.

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm nay so sánh được với số liệu của năm trước.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Là chi phí nguyên vật liệu đóng bao đường túi.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Các mặt hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân giá quyền theo tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.7 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

4.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của công ty bao gồm các diện tích đất có thời hạn sử dụng và không có thời hạn sử dụng cho mục đích xả thải. Chi tiết các diện tích đất được trình bày tại thuyết minh 5.8.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 07 năm.

4.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Chi phí phải trả gồm các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.13 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

4.16 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty áp dụng chính sách thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất chế biến sản phẩm đường kính từ nguyên liệu mía cây được thu mua của các nông hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính; Công văn số 3680/TCT-CS ngày 21/08/2023 của Tổng cục Thuế; Công văn số 1643/CTCBA-TTHT ngày 25/08/2023 của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng.
- Thu nhập từ các hoạt động khác chịu thuế TNDN với thuế suất thuế TNDN hiện hành 20%.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2023	01/07/2022
	VND	VND
Tiền mặt	541.131.500	473.902.750
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.354.326.679	47.036.077.111
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>18.335.131.074</i>	<i>45.709.359.646</i>
<i>Tiền gửi ngoại tệ</i>	<i>19.195.605</i>	<i>1.326.717.465</i>
Cộng	18.895.458.179	47.509.979.861

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 30 tháng 06 năm 2023:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - CNY	5.906,30	19.195.605

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2023		01/07/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	100.000.000.000	100.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000
Cộng	100.000.000.000	100.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

Đây là các khoản tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn dưới 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Nông nghiệp - CN Phục Hòa và Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cao Bằng. Lãi suất của các khoản tiền gửi tiết kiệm từ 6,5% đến 8%

5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn

	30/06/2023		01/07/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH TMTH Kim Anh	-	-	169.110.000	-
Công ty TNHH SX và Thương Mại Tư Dung	208.560.000	-	353.655.001	-
Phải thu nợ vùng nguyên liệu	13.627.970.950	-	13.313.790.100	-
Các khách hàng khác	715.970.000	(35.100.000)	816.509.740	(93.818.060)
Cộng	14.552.500.950	(35.100.000)	14.653.064.841	(93.818.060)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/07/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Mậu dịch Hoa Khánh huyện Long Châu - TQ	413.982.390	-	493.715.770	-
Công ty TNHH Thiết bị năng lượng môi trường Tinh nhuệ Quảng Tây		-	245.585.118	-
Công ty TNHH Thương mại Kim Khí Việt	573.371.810	-	1.129.951.768	-
Các khách hàng khác	201.048.746	-	157.460.690	-
Cộng	1.188.402.946	-	2.026.713.346	-

5.5 Phải thu khác ngắn hạn

	30/06/2023		01/07/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Lãi dự thu tiền gửi	2.413.183.562	-	-	-
Tạm ứng	2.199.152.125	-	1.552.718.698	-
Phải thu BHXH, KPCĐ người lao động	281.298.611	-	243.588.636	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	130.332.859	(10.000.000)	155.832.859	(10.000.000)
Cộng	5.023.967.157	(10.000.000)	1.952.140.193	(10.000.000)

5.6 Nợ xấu

	30/06/2023		01/07/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Hà Thị Thoa	35.100.000	-	35.100.000	-
Ngọc Thị Tuyết	-	-	58.718.060	-
Ban QL KKT cửa khẩu Tà Lùng	10.000.000	-	10.000.000	-
Cộng	45.100.000	-	103.818.060	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.7 Hàng tồn kho

	30/06/2023		01/07/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	982.875.566	-	935.535.216	-
Công cụ, dụng cụ	4.524.547.157	-	3.593.219.323	-
Chi phí SXKD dở dang	28.515.529	-	70.925.561	-
Thành phẩm	27.797.987.549	-	65.494.800.799	-
Hàng hoá	342.522.583	-	60.487.490	-
Hàng gửi đi bán	269.908.914	-	104.477.802	-
Cộng	33.946.357.298	-	70.259.446.191	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
01/07/2022	60.730.615.266	175.802.346.930	3.755.657.527	250.309.884	240.538.929.607
Mua trong năm		2.401.388.156	312.155.556		2.713.543.712
Thanh lý, nhượng bán		(1.430.269.370)	(65.000.000)		(1.495.269.370)
30/06/2023	60.730.615.266	176.773.465.716	4.002.813.083	250.309.884	241.757.203.949
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
01/07/2022	47.565.647.025	146.669.196.322	2.725.457.731	201.857.233	197.162.158.311
Khấu hao trong năm	1.456.131.261	6.827.045.882	208.681.818	12.922.348	8.504.781.309
Phân loại lại thành tài sản					-
Thanh lý, nhượng bán		(1.430.269.370)	(65.000.000)		(1.495.269.370)
30/06/2023	49.021.778.286	152.065.972.834	2.869.139.549	214.779.581	204.171.670.250
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/07/2022	13.164.968.241	29.133.150.608	1.030.199.796	48.452.651	43.376.771.296
30/06/2023	11.708.836.980	24.707.492.882	1.133.673.534	35.530.303	37.585.533.699

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 130.238.808.581 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Quyền phát hành VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Chương trình phần mềm VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
01/07/2022	1.724.719.343	-	-	117.409.091	-	1.842.128.434
30/06/2023	1.724.719.343	-	-	117.409.091	-	1.842.128.434
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
01/07/2022	527.634.321	-	-	117.409.091	-	645.043.412
Khấu hao trong năm	52.763.432	-	-	-	-	52.763.432
30/06/2023	580.397.753	-	-	117.409.091	-	697.806.844
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/07/2022	1.197.085.022	-	-	-	-	1.197.085.022
30/06/2023	1.144.321.590	-	-	-	-	1.144.321.590

Giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2023 gồm:

Lô đất	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Giá trị (VND)	Pháp lý
Đất ao thải	8.890	20 năm	1.055.268.643	Đã có sổ đỏ
Đất tuyến mương thoát nước ao thải		Không thời hạn	27.191.700	Đang làm sổ đỏ
Đất bến Xà Lan	3.633,5	Không thời hạn	574.911.000	Đang làm sổ đỏ
Đất tại cửa xả nước thải	160	Không thời hạn	67.348.000	Đang làm sổ đỏ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/07/2022	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	30/06/2023
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản	10.409.250.419	231.384.259	-	10.640.634.678
Dự án Trại mía giống	442.919.903	-	-	442.919.903
Dự án khu dân cư	5.207.254.052	-	-	5.207.254.052
Gian hàng shophouse	4.669.076.464	231.384.259	-	4.900.460.723
Bể nước hồi lưu	90.000.000	-	-	90.000.000
	10.409.250.419	231.384.259	-	10.640.634.678

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2023	01/07/2022
	VND	VND
Thiết bị, công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.489.486.586	3.416.279.996
Chi phí sửa chữa	773.702.990	2.333.424.228
Các khoản khác	185.422.667	190.913.333
Cộng	7.448.612.243	5.940.617.557

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2023		01/07/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Smart key factory Việt Nam	168.152.600	168.152.600	-	-
Công ty TNHH Mậu dịch Hoa Khánh huyện Long Châu TQ	60.449.216	60.449.216	103.996.730	103.996.730
Các cá nhân chuyên chở mía	-	-	3.961.190.201	3.961.190.201
Các nhà cung cấp khác	25.488.600	25.488.600	301.721.792	301.721.792
Cộng	254.090.416	254.090.416	4.366.908.723	4.366.908.723

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2023		01/07/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CPTM&DV Song Phương	2.340.000.000	2.340.000.000	7.581.900.000	7.581.900.000
Lương Thị Bắc	2.322.000.000	2.322.000.000	-	-
Lê Thị Đức - Cty TNHH Đức Lộc	4.340.000.000	4.340.000.000	4.458.500.000	4.458.500.000
Công ty CP đầu tư TM DV Minh Phúc	-	-	5.958.500.000	5.958.500.000
Công ty cổ phần phát triển đô thị Phương Bắc BN	-	-	6.112.500.000	6.112.500.000
Các đối tượng khác	1.294.861.622	1.294.861.622	7.134.595.603	7.134.595.603
Cộng	10.296.861.622	10.296.861.622	31.245.995.603	31.245.995.603

5.14 Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2023		01/07/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Kinh phí công đoàn	306.942.020	306.942.020	447.864.302	447.864.302
Cổ tức phải trả	18.229.400	18.229.400	18.342.450	18.342.450
Phải trả khác	1.495.086.887	1.495.086.887	1.883.565.044	1.883.565.044
Cộng	1.820.258.307	1.820.258.307	2.349.771.796	2.349.771.796

5.15 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/06/2023	01/07/2022
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương mùa vụ tiếp theo	2.858.870.000	2.700.000.000
Cộng	2.858.870.000	2.700.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	1.493.541.239	12.872.458.941	11.046.745.047	-	3.319.255.133
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	209.704.333	209.704.333	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	45.086.362	2.225.766.932	12.521.211.587	10.250.358.293	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	529.280.672	529.280.672	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	182.812.230	182.812.230	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	388.134.767	277.238.238	-	110.896.529
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	252.791.700	252.791.700	-	-
Cộng	-	1.538.627.601	16.660.949.575	25.019.783.807	10.250.358.293	3.430.151.662

Thuế giá trị gia tăng: Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, giá trị thuế phát sinh từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2023 được gia hạn nộp thuế theo nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/04/2023 của chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty áp dụng chính sách thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất chế biến sản phẩm đường kính từ nguyên liệu mía cây được thu mua của các nông hộ sản xuất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính; Công văn số 3680/TCT-CS ngày 21/08/2023 của Tổng cục Thuế; Công văn số 1643/CTCBA-TTHT ngày 25/08/2023 của Cục Thuế tỉnh Cao Bằng.

- Thu nhập từ các hoạt động khác chịu thuế TNDN với thuế suất thuế TNDN hiện hành 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tả Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2023		Trong năm		01/07/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	30.000.000.000	36.437.168.000	6.437.168.000	6.437.168.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phục Hoà	-	-	30.000.000.000	35.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay cá nhân khác	-	-	-	1.437.168.000	1.437.168.000	1.437.168.000
Cộng	-	-	30.000.000.000	36.437.168.000	6.437.168.000	6.437.168.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2022

5.18 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.18.1 Bảng biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	35.279.250.000	-	66.894.768.803	-	15.999.858.514	118.173.877.317
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	62.415.087.574	62.415.087.574
Trích lập các quỹ					(1.275.225.563)	(1.275.225.563)
Chia cổ tức bằng tiền					(3.527.925.000)	(3.527.925.000)
Số dư cuối năm trước	35.279.250.000	-	66.894.768.803	-	73.611.795.525	175.785.814.328
Số dư đầu năm	35.279.250.000	-	66.894.768.803	-	73.611.795.525	175.785.814.328
Lãi trong năm nay					54.978.715.042	54.978.715.042
Chia cổ tức (i)	17.639.430.000				(28.223.205.000)	(10.583.775.000)
Trích lập các quỹ (i)					(5.992.675.481)	(5.992.675.481)
Số dư cuối năm	52.918.680.000	-	66.894.768.803	-	94.374.630.086	214.188.078.889

(i) Công ty trích lập các quỹ và chia cổ tức bằng tiền và cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 545/2022/NQĐHĐCĐTN ngày 28/10/2022

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

5.18.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2023		01/07/2022	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Nông Văn Lạc	400.000.000	0,76%	15.913.190.000	45,11%
Nông Văn Sơn	24.306.280.000	45,93%	313.000.000	0,89%
Nông Văn Thuyết	2.766.740.000	5,23%	1.806.160.000	5,12%
Vốn góp của cổ đông khác	25.445.660.000	48,08%	17.246.900.000	48,89%
Cộng	52.918.680.000	100%	35.279.250.000	100%

5.18.3 Cổ phiếu

	30/06/2023 Cổ phiếu	01/07/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.291.868	3.527.925
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.291.868	3.527.925
Cổ phiếu phổ thông	5.291.868	3.527.925
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.291.868	3.527.925
Cổ phiếu phổ thông	5.291.868	3.527.925
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán đường	282.481.108.906	222.658.706.831
Doanh thu bán phụ phẩm sản xuất đường, doanh thu khác	14.849.129.640	17.919.305.220
Cộng	297.330.238.546	240.578.012.051

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giảm giá hàng bán	16.965.000	37.865.952
Hàng bán bị trả lại	-	73.142.857
Cộng	16.965.000	111.008.809

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	235.855.745.218	169.310.630.902
Giá vốn phụ phẩm sản xuất đường, giá vốn khác	787.295.384	78.004.412
Cộng	236.643.040.602	169.388.635.314

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.931.488.663	759.785.565
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.942.463	6.840.272
Cộng	4.980.431.126	766.625.837

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	797.123.288	1.081.041.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	111.452.293	84.399.635
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	348.474	-
Cộng	908.924.055	1.165.440.735

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	273.116.061	266.105.888
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.802.829	128.180.363
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	987.453.248	791.533.055
Cộng	1.278.372.138	1.185.819.306

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.851.591.353	3.190.729.440
Chi phí đồ dùng văn phòng	332.877.971	158.024.600
Chi phí khấu hao TSCĐ	324.763.291	326.979.958
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	594.747.894
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(58.718.060)	(18.861.940)
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	4.085.969.567	2.000.382.118
Cộng	6.539.484.122	6.492.370.189

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	71.500.000	75.978.285
Bán phân bón, mía giống	13.379.136.707	13.400.960.990
Thu nhập khác	797.141.499	130.567.097
Cộng	14.247.778.206	13.607.506.372

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của phân bón, mía giống	13.705.242.064	13.466.580.415
Các khoản khác	261.937.923	682.115.556
Cộng	13.967.179.987	14.148.695.971

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.10 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.204.481.974	62.460.173.936
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế TNDN	6.655.646.197	145.884.000
Các khoản điều chỉnh tăng	6.655.646.197	145.884.000
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	6.655.646.197	145.884.000
Thu nhập được miễn thuế	52.731.293.512	62.380.626.125
Thu nhập tính thuế TNDN	11.128.834.659	225.431.811
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	2.225.766.932	45.086.362
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	2.225.766.932	45.086.362

Trong đó :

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay VND	Hoạt động SXKD được miễn thuế VND	Hoạt động SXKD khác VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	297.330.238.546	296.433.453.359	896.785.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16.965.000	16.965.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	297.313.273.546	296.416.488.359	896.785.187
4. Giá vốn hàng bán	11	236.643.040.602	235.857.964.508	785.076.094
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	60.670.232.944	60.558.523.851	111.709.093
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.980.431.126	48.942.463	4.931.488.663
7. Chi phí tài chính	22	908.924.055	111.800.767	797.123.288
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	797.123.288	-	797.123.288
8. Chi phí bán hàng	25	1.278.372.138	1.278.372.138	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.539.484.122	6.269.699.005	269.785.117
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	56.923.883.755	52.947.594.404	3.976.289.351
11. Thu nhập khác	31	14.247.778.206	3.450.900	14.244.327.306
12. Chi phí khác	32	13.967.179.987	219.751.792	13.747.428.195
13. Lợi nhuận khác	40	280.598.219	(216.300.892)	496.899.111
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	57.204.481.974	52.731.293.512	4.473.188.462

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	54.978.715.042	62.415.087.574
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	54.978.715.042	62.415.087.574
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.992.675.481)	(1.275.225.563)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.885.546	3.527.925
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.607	17.330

6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	54.978.715.042	62.415.087.574
Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	54.978.715.042	62.415.087.574
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.992.675.481)	(1.275.225.563)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.885.546	3.527.925
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.607	17.330

6.13 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	24.069.427.450	24.533.964.144
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	154.201.920.140	181.064.891.365
Chi phí công cụ dụng cụ	524.047.504	543.164.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.557.544.741	9.390.531.154
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	594.747.894
Chi phí dự phòng	(58.718.060)	(18.861.940)
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác	17.642.559.726	6.218.199.186
Cộng	204.939.781.501	222.326.635.835

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

<u>Thành viên quản lý</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nông Văn Thuyết	Chủ tịch HĐQT	210.624.231	185.652.874
Nông Văn Lạc	Thành Viên HĐQT	27.634.000	22.080.000
Ma Trung Lập	Phó Chủ tịch HĐQT	200.993.721	192.706.106
Nông Văn Sơn	Thành Viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	177.236.308	103.772.346
Mã Thị Quyết	Thành Viên HĐQT - Kế toán trưởng	170.140.154	152.867.769
Nông Thị Nậu	Phó Tổng giám đốc	153.346.846	145.676.181
Hoàng Thị Quyết	Trưởng BKS	140.388.231	128.540.077
Trương Minh Đức	Trưởng BKS	144.730.338	138.475.179
Đình Bế Đình	Trưởng BKS	145.609.962	135.962.963
	Cộng	1.370.703.791	1.205.733.495

7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Trong năm tài chính, Công ty không phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

7.2 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Phía Bắc. Số liệu này đã được điều chỉnh hồi tố ảnh hưởng của các bút toán điều chỉnh miễn giảm thuế TNDN theo quy định với phần thu nhập từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn trong năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 căn cứ theo công văn số 1643/CVCBA-TTHT ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Cục thuế tỉnh Cao Bằng.

Chi tiết các khoản điều chỉnh gồm:

<u>Danh sách các bút toán điều chỉnh</u>	<u>Số tiền</u>
	<u>VND</u>
Giảm thuế TNDN năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	12.476.125.225

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG CAO BẰNG
 Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, Huyện Quảng Hòa, Tỉnh Cao Bằng
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2023

Theo đó, số liệu các khoản mục chi tiết thay đổi như sau:

Số liệu trên bảng cân đối kế toán

Khoản mục	Mã số	BCTC tại ngày 30/06/2022 đã kiểm toán	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
Nợ phải trả	300	64.261.194.248	51.785.069.023	(12.476.125.225)
Nợ phải trả ngắn hạn	310	64.261.194.248	51.785.069.023	(12.476.125.225)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14.014.752.826	1.538.627.601	(12.476.125.225)
Vốn chủ sở hữu	400	163.344.689.103	175.820.814.328	12.476.125.225
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	61.135.670.300	73.611.795.525	12.476.125.225

Số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh

Khoản mục	Mã số	BCTC tại ngày 30/06/2022 đã kiểm toán	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	12.521.211.587	45.086.362	(12.476.125.225)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	49.938.962.349	62.415.087.574	12.476.125.225
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	14.155	17.330	3.175
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	14.155	17.330	3.175

7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

7.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NÔNG VĂN THUYẾT
 Chủ tịch HĐQT

Cao Bằng, ngày 19 tháng 09 năm 2023

MÃ THỊ QUYẾT
 Kế toán trưởng

MÃ THỊ QUYẾT
 Người lập biểu